THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 565 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2017*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1596
Ngày: 3.5.17
Chuyển: P.Khung gửi

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tên Chương trình và cơ quan quản lý Chương trình

a) Tên Chương trình: Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình).

b) Cơ quan quản lý Chương trình: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng yếu thế theo hướng hội nhập quốc tế; tạo môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh cho trẻ em; giảm khoảng cách giới trong những lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao; nâng cao chất lượng, hiệu quả cai nghiện ma túy, tuyên truyền phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về, góp phần đảm bảo an sinh trật tự và an toàn xã hội, hướng tới mục tiêu công bằng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Nâng tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập lên 55%; Tăng tỷ lệ người có hoàn cảnh khó khăn được tư vấn, hỗ trợ và quản lý ca từ các cơ sở trợ giúp xã hội lên 30%; Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho 30% số cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội.

- 80% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển; giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại; có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp 90% trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại; 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi.

- Ít nhất 70% nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, nữ cán bộ quản lý, lãnh đạo và 50% nữ cán bộ trong diện quy hoạch được trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm; 50% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ hỗ trợ; 50% số người gây bạo lực hoặc có nguy cơ gây bạo lực được phát hiện, tư vấn.

- 90% người nghiện ma túy có quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; 90% xã, phường được tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn mại dâm; 90% số nạn nhân bị mua bán được phát hiện, được tư vấn, hỗ trợ và chăm sóc.

3. Phạm vi, đối tượng và nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn của Chương trình

a) Phạm vi thực hiện

- Vốn đầu tư: Các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy cấp tỉnh nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên hỗ trợ cho các tỉnh nghèo, không tự cân đối được ngân sách.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung tại các vùng, địa phương có nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ cao bất bình đẳng giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, những địa bàn tập trung nhiều đối tượng ma túy, mại dâm, nạn nhân bị mua bán trở về, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, địa phương điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

b) Nguyên tắc phân bổ vốn từ ngân sách Trung ương

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương: Thực hiện theo quy định tại mục VI của Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020. Trong đó, hỗ trợ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp đối với các dự án nhóm B trở lên đối với các cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp cấp tỉnh và trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh, cơ sở trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí cấp tỉnh. Riêng các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở cai nghiện cấp tỉnh được hỗ trợ đối với dự án quy mô nhóm C thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo công văn số 2538/VPCP-KGVX ngày 12/4/2016 về danh mục dự án đầu tư hỗ trợ thực hiện công tác cai nghiện ma túy giai đoạn 2016 - 2020 và công văn số 7770/VPCP-KGVX ngày 16/9/2016 về hỗ trợ từ ngân sách trung ương thực hiện công tác cai nghiện ma túy giai đoạn 2016 - 2020 của Văn phòng Chính phủ.

- Vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương:

+ Chi hỗ trợ kinh phí sự nghiệp cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách thực hiện các dự án của Chương trình;

+ Chi hỗ trợ kinh phí sự nghiệp cho các địa phương tự cân đối được ngân sách thực hiện một số nội dung của Chương trình, gồm: xây dựng cơ sở dữ liệu, thí điểm mô hình, đào tạo và nâng cao năng lực.

c) Đối tượng thực hiện Chương trình: Các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị được giao nhiệm vụ để thực hiện các dự án, hoạt động của Chương trình.

4. Thời gian thực hiện Chương trình: từ năm 2016 đến năm 2020.

5. Kinh phí thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình là 10.266 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 11.655 tỷ đồng), trong đó:

a) Ngân sách trung ương:

- Vốn đầu tư phát triển 1.031 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 2.420 tỷ đồng);

- Vốn sự nghiệp: 1.925 tỷ đồng.

b) Ngân sách địa phương:

- Vốn đầu tư phát triển: 2.650 tỷ đồng;

- Vốn sự nghiệp: 2.330 tỷ đồng.

c) Vốn huy động hợp pháp khác 2.330 tỷ đồng.

6. Các dự án thành phần thuộc Chương trình

a) Dự án 1: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung: Xây dựng và phát triển hệ thống trợ giúp xã hội phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu trợ giúp của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.

+ Mục tiêu cụ thể

. Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập, trong đó các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập tăng lên 55% vào năm 2020; tăng tỷ lệ người có hoàn cảnh khó khăn được tư vấn, hỗ trợ và quản lý ca từ các cơ sở trợ giúp xã hội tăng lên 30% vào năm 2020;

. Tiếp tục thí điểm các mô hình cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội, phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí, ngôi nhà tạm lánh, mô hình gia đình cá nhân nhận nuôi có thời hạn và mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

. Đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho 30% số cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đang làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp;

. Xây dựng, hoàn chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo và giáo dục nghề nghiệp về công tác xã hội trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ngành công tác xã hội.

. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về trợ giúp xã hội.

- Phạm vi thực hiện:

+ Phạm vi thực hiện: Dự án được thực hiện trên phạm vi cả nước, ưu tiên các cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, trung tâm công tác xã hội; công chức, viên chức và cộng tác viên công tác xã hội;

+ Vốn đầu tư: Các bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Vốn sự nghiệp: Hỗ trợ một số Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố.

- Nội dung chủ yếu:

+ Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội:

. Thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập. Trong đó, chú trọng nâng cấp, mở rộng và phát triển mới mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội;

. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho cơ sở trợ giúp xã hội đạt tiêu chuẩn chăm sóc theo tiêu chuẩn do Nhà nước quy định, bảo đảm có các phân khu chức năng, các hạng mục công trình đáp ứng hoạt động chăm sóc, phục hồi chức năng, trị liệu và cung cấp dịch vụ công tác xã hội. Ưu tiên hỗ trợ mua sắm trang thiết bị vận chuyển đối tượng, sơ cấp cứu, sinh hoạt và phục hồi chức năng cho đối tượng.

+ Hỗ trợ xây và vận hành mô hình: Hỗ trợ xây dựng, vận hành các mô hình cơ sở trợ giúp xã hội, gồm mô hình trung tâm công tác xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, cơ sở phòng và trị liệu rối nhiễu tâm trí, ngôi nhà tạm lánh, mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi có thời hạn và mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức và cộng tác viên:

. Xây dựng, hoàn thiện chương trình, nội dung đào tạo;

. Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện chương trình, giáo trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ về công tác xã hội phù hợp với nhu cầu hội nhập quốc tế, đạt yêu cầu ngang bằng chuẩn đào tạo của các nước trong khu vực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công tác xã hội;

. Xây dựng và hoàn thiện chương trình, nội dung đào tạo các kỹ năng công tác xã hội, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc trẻ em có HCĐBKK;

. Xây dựng và hoàn thiện chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nghề công tác xã hội bảo đảm liên thông với đào tạo đại học nghề công tác xã hội.

+ Đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ trợ giúp xã hội:

. Đào tạo hệ vừa làm, vừa học cho 17.500 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học (bình quân 3.500 người/năm); đào tạo kỹ năng chuyên sâu chăm sóc, phục hồi chức năng cho đối tượng tối thiểu 500 chỉ tiêu/năm;

. Bồi dưỡng kỹ năng cho 50.000 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp xã hội, công tác xã hội (bình quân 10.000 người/năm).

+ Nghiên cứu, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện phát triển nghề công tác xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí, chăm sóc trẻ em có HCĐBKK dựa vào cộng đồng, củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội. Trên cơ sở đó, khuyến nghị giải pháp, cơ chế, chính sách phát triển hệ thống trợ giúp xã hội.

+ Truyền thông, nâng cao nhận thức:

. Truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội về vai trò, vị trí hệ thống trợ giúp xã hội; công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội, kỹ năng chăm sóc sức khỏe tâm thần và đối tượng khác;

. Tổ chức nghiên cứu, khảo sát học hỏi kinh nghiệm các nước trong khu vực và thế giới và xây dựng sổ tay hướng dẫn kỹ năng trợ giúp xã hội cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên trợ giúp xã hội;

. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu và phổ biến pháp luật về lĩnh vực trợ giúp xã hội cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên;

. Chia sẻ thông tin và kinh nghiệm phát triển hệ thống trợ giúp xã hội trong nước và quốc tế, đặc biệt là chương trình, nội dung đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ, nhân viên trợ giúp xã hội.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí huy động thực hiện dự án là 5.343,5 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 6.255 tỷ đồng), trong đó: vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương là 908,5 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 1.820 tỷ đồng); vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương 935 tỷ đồng; Ngân sách địa phương 2.000 tỷ đồng (Vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 1.000 tỷ đồng); huy động khác 1.500 tỷ đồng.

b) Dự án 2: Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung: Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm số trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặt biệt và trẻ em bị xâm hại; kịp thời can thiệp, trợ giúp trẻ em có nguy cơ cao, trẻ em bị xâm hại góp phần tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em.

+ Mục tiêu cụ thể:

. 80% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển;

. Giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại;

. 90% trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp;

. 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi.

- Phạm vi thực hiện: Dự án được thực hiện trên phạm vi cả nước.

- Nội dung chủ yếu:

+ Hoàn thiện và duy trì hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em chuyên biệt;

+ Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, duy trì hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em cho Trung tâm công tác xã hội trẻ em hoặc hợp phần trẻ em trong Trung tâm công tác xã hội;

+ Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, hoạt động mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo 3 cấp độ tại Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện hoặc Văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em cấp huyện;

+ Nâng cấp và duy trì hoạt động Tổng đài điện thoại quốc gia và mạng lưới kết nối:

. Nâng cấp, hỗ trợ trang thiết bị Tổng đài điện thoại quốc gia: Tổng đài điện thoại quốc gia được xây dựng thông qua nâng cấp Đường dây tư vấn hỗ trợ trẻ em. Tổng đài điện thoại quốc gia bao gồm 01 trung tâm đặt tại Trung ương và 02 nhánh trung tâm vùng đặt tại miền Trung và miền Nam;

. Hoạt động của mạng lưới kết nối: Thiết lập mạng lưới kết nối giữa Tổng đài điện thoại quốc gia với các Bộ, ngành liên quan; Thiết lập mạng lưới kết nối, thực hiện quy trình tiếp nhận và xử lý liên cấp, liên ngành thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em; Triển khai hoạt động của 02 nhánh trung tâm vùng Tổng đài quốc gia.

+ Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp các trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt:

. Hỗ trợ thực hiện mô hình kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế cho các đối tượng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

. Hỗ trợ thực hiện mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và dịch vụ xã hội cơ bản cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

. Xây dựng, triển khai, duy trì mô hình thí điểm chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

. Tổ chức giám sát và hỗ trợ kỹ thuật về thực hiện quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

+ Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; năng lực của cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em về bảo vệ trẻ em:

. Rà soát, xây dựng chương trình, tài liệu nâng cao năng lực, kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cán bộ quản lý, cán bộ cung cấp dịch vụ, cha mẹ và trẻ em;

. Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp; Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã; Cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại cộng đồng:

Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ trẻ em và cán bộ của cơ sở cung cấp dịch vụ công lập; tập huấn giảng viên nguồn cho địa phương.

Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cung cấp dịch vụ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên.

. Tập huấn, truyền thông chuyển đổi hành vi, cung cấp kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em.

. Tập huấn, truyền thông về kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ cho trẻ em.

+ Hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em:

. Duy trì, vận hành, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em;

. Đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em các cấp. Khảo sát; đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ, chuyên đề về trẻ em.

- Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện Dự án là 680 tỷ đồng (vốn sự nghiệp), trong đó: Ngân sách Trung ương 280 tỷ đồng; Ngân sách địa phương 200 tỷ đồng; Huy động khác 200 tỷ đồng.

c) Dự án 3: Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị, lao động việc làm, giảm dần số vụ bạo lực trên cơ sở giới.

+ Mục tiêu cụ thể:

. 70% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang và sinh viên, học sinh các cấp, 50% người dân được tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới;

. Ít nhất 70% nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, nữ cán bộ quản lý, lãnh đạo các cấp; 50% nữ cán bộ trong diện quy hoạch được trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm;

. Tối thiểu 10 Trung tâm công tác xã hội được hỗ trợ thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới;

. Tối thiểu 10 địa phương triển khai ít nhất một trong các mô hình: hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, khởi sự và phát triển doanh nghiệp; "Câu lạc bộ nữ công nhân nhà trọ" tại khu công nghiệp, khu chế xuất; mô hình "vận dụng các nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ trong thực hiện bình đẳng giới" tại doanh nghiệp;

. Tối thiểu 8 Cơ sở trợ giúp nạn nhân bị bạo lực giới được xây dựng, vận hành; 70 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng được thí điểm cung cấp dịch vụ đạt chuẩn;

. 50% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ hỗ trợ; 50% số người gây bạo lực hoặc có nguy cơ cao gây bạo lực được phát hiện, tư vấn;

. 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, cán bộ tham mưu hoạch định chính sách và cán bộ làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, các địa phương; cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp và đội ngũ cộng tác viên về bình đẳng giới được tập huấn bổ sung kiến thức, kỹ năng hoạt động về bình đẳng giới.

- Phạm vi thực hiện: Dự án được thực hiện tại địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ cao bất bình đẳng giới. Các hoạt động truyền thông và nâng cao năng lực được thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

- Nội dung chủ yếu:

+ Truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới:

. Nâng cao năng lực truyền thông về bình đẳng giới cho các cơ quan truyền thông, đội ngũ báo cáo viên, phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở;

. Xây dựng, duy trì và phát triển đa dạng các chương trình, sản phẩm truyền thông về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó chú trọng chương trình thông tin cơ sở; phù hợp với từng nhóm dân tộc, phong tục, tập quán;

. Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới phù hợp với đặc thù từng nhóm đối tượng, vùng, miền; đẩy mạnh các hoạt động thu hút nam giới và trẻ em trai tham gia thúc đẩy bình đẳng giới, phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, chia sẻ trách nhiệm gia đình, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong cộng đồng và xã hội; xây dựng mạng lưới người có ảnh hưởng trong xã hội để truyền tải thông điệp về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; thực hiện tuyên truyền, giáo dục về phòng ngừa bạo lực trên môi trường mạng, ép phụ nữ kết hôn với người nước ngoài vì lý do kinh tế và phân biệt đối xử vì lý do giới tính;

. Tuyên truyền về các tấm gương điển hình, cá nhân, tập thể có sáng kiến, hoạt động tích cực trong công tác bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới;

. Thí điểm lồng ghép nội dung về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới vào nội dung sinh hoạt của các câu lạc bộ tại cộng đồng và trong trường học, các doanh nghiệp, các khu công nghiệp tại một số địa phương.

+ Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử:

. Triển khai các hoạt động truyền thông cho cơ quan, tổ chức, cá nhân làm công tác tổ chức, xây dựng và thực hiện công tác quy hoạch cán bộ nữ; tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ cán bộ dân cử, nữ cán bộ quản lý lãnh đạo các cấp, nữ cán bộ trong diện quy hoạch kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý lãnh đạo và các kỹ năng mềm khác nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ nữ tham gia chính trị, lãnh đạo quản lý tại các địa phương có tỷ lệ phụ nữ tham gia thấp;

. Xây dựng các diễn đàn và mạng lưới kết nối lãnh đạo nữ nhằm trao đổi kinh nghiệm giữa các nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và lãnh đạo nữ các cấp.

+ Hỗ trợ thực hiện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới tại Trung tâm công tác xã hội:

. Lựa chọn Trung tâm công tác xã hội để thực hiện việc hỗ trợ về:

Xây dựng, áp dụng thí điểm tiêu chuẩn, điều kiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới;

Nâng cấp, mua sắm trang thiết bị, kỹ thuật để thực hiện cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới.

. Hỗ trợ xây dựng và phát triển tài liệu tập huấn cho đội ngũ cán bộ của các Trung tâm công tác xã hội về lĩnh vực bình đẳng giới và kỹ năng tư vấn, làm việc với các đối tượng liên quan.

+ Cung cấp dịch vụ phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới:

. Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng, áp dụng thí điểm làm cơ sở ban hành tiêu chuẩn về:

Mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ban đầu: nơi trú ẩn tạm thời khẩn cấp và an toàn; tư vấn tâm lý và pháp lý cơ bản; chăm sóc sức khỏe ban đầu; liên hệ chuyển tuyến trong trường hợp cần thiết;

Cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cung cấp gói dịch vụ hỗ trợ tối thiểu: dịch vụ cho nạn nhân gồm bảo vệ an toàn; dịch vụ y tế, chăm sóc, nuôi dưỡng; tư vấn hỗ trợ tâm lý và trợ giúp pháp lý, cung cấp kỹ năng cơ bản để phòng, tránh bạo lực tái diễn; liên kết hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm; dịch vụ cho người gây bạo lực gồm tư vấn tâm lý kiềm chế hành vi bạo lực; hỗ trợ pháp lý; liên kết hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm, tư vấn hỗ trợ cai nghiện rượu và các chất kích thích; dịch vụ tại cộng đồng nhằm kết nối với các mô hình tại cộng đồng hình thành mô hình hỗ trợ khép kín;

Thành phố an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em gái: khảo sát, đánh giá mức độ an toàn tại thành phố; xây dựng kế hoạch ứng phó;

Trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực: nâng cao kỹ năng cho giáo viên, người học và cung cấp thông tin cho phụ huynh về biện pháp phòng ngừa và ứng phó với bạo lực tại trường học; thiết lập các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp ngay tại trường học, đề xuất biện pháp xử lý phù hợp đối với người có hành vi bạo lực; lồng ghép nội dung về phòng, chống bạo lực trong các câu lạc bộ thể thao, hoạt động ngoại khóa.

. Hỗ trợ xây dựng và thí điểm các mô hình:

Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới tại cộng đồng;

Mô hình câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài và giảm thiểu tình trạng bạo lực trên cơ sở giới tại vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

. Hỗ trợ dịch vụ đường dây nóng về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới: hỗ trợ nâng cấp, mua sắm trang thiết bị, kỹ thuật và vận hành đường dây nóng nhằm kịp thời tư vấn, can thiệp hỗ trợ nạn nhân; xây dựng và phát triển tài liệu nâng cao kỹ năng tham vấn, tư vấn cho cán bộ phụ trách đường dây nóng; thí điểm cơ chế phối hợp liên ngành trong giải quyết bạo lực trên cơ sở giới thông qua sử dụng đường dây nóng kết nối với các đơn vị liên quan, kết nối với các mô hình địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh tại cộng đồng và cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn.

+ Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực lao động, việc làm:

. Thí điểm các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất và kinh doanh: nâng cao năng lực, kỹ năng khởi sự và quản trị doanh nghiệp; phát triển kinh doanh theo chuỗi giá trị sản phẩm; xây dựng câu lạc bộ nữ doanh nhân;

. Thí điểm mô hình "Câu lạc bộ nữ công nhân nhà trọ" tại khu công nghiệp, khu chế xuất, tạo điều kiện giúp nữ công nhân tham gia và tiếp cận đối với các dịch vụ xã hội.

+ Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới:

. Phát triển chương trình và tài liệu tập huấn nâng cao kiến thức nghiệp vụ về hoạt động bình đẳng giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng định kỳ; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm;

. Thí điểm xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về bình đẳng giới trong một số lĩnh vực; phát triển tài liệu, tập huấn và đào tạo kỹ năng phân tích sử dụng số liệu tách biệt giới trong một số lĩnh vực;

. Phát triển tài liệu hướng dẫn, đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

- Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí huy động thực hiện Dự án là 860 tỷ đồng (vốn sự nghiệp), trong đó: Ngân sách trung ương 180 tỷ đồng; ngân sách địa phương 280 tỷ đồng; huy động khác 400 tỷ đồng.

d) Dự án 4: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung: Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy, chuyển đổi, nâng cấp hoàn thiện hệ thống cơ sở cai nghiện ma túy, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, phục vụ công tác cai nghiện, phục hồi cho người nghiện ma túy theo quan điểm của Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác phòng, chống mại dâm; giảm thiểu tác hại của hoạt động mại dâm đối với đời sống xã hội; bảo đảm quyền bình đẳng của người bán dâm trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ xã hội; giảm tội phạm liên quan đến mại dâm. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về; tạo các điều kiện cho nạn nhân bị mua bán trở về được tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản, hòa nhập với cộng đồng.

+ Mục tiêu cụ thể:

. Về cai nghiện ma túy:

90% người nghiện ma túy khi có Quyết định của Tòa án về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thi hành kịp thời;

Tăng tỷ lệ số người nghiện có hồ sơ quản lý được điều trị từ 60% năm 2015 lên 80% năm 2020. Tăng tỷ lệ người nghiện ma túy được dạy nghề từ 25% năm 2015 lên 60% năm 2020;

100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ sở cai nghiện, cán bộ quản lý (tương đương khoảng 15.000 người) được đào tạo ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật;

Xây dựng được 04 mô hình cai nghiện phục hồi cho người nghiện ma túy phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của 04 vùng kinh tế, xã hội khác nhau (Khu vực Tây Bắc và Tây Nguyên; Khu vực biên giới; Khu vực thành phố và Khu vực đồng bằng).

. Về phòng, chống mại dâm:

Đến năm 2017 đạt 75% và năm 2020 đạt 100% số xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) tổ chức được ít nhất một hình thức tuyên truyền về phòng, chống mại dâm và được duy trì thường xuyên;

Từ năm 2016, thông tin về phòng, chống mại dâm được đăng tải trên cơ quan báo chí cấp Trung ương và cấp tỉnh ít nhất một tháng một lần;

Đến năm 2017 đạt 50% và đến năm 2020 đạt 100% các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch lồng ghép và tổ chức, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm với các chương trình kinh tế - xã hội tại địa phương như chương trình giảm nghèo, dạy nghề cho lao động nông thôn, chương trình việc làm, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống tội phạm mua bán người;

50% các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện được các hoạt động can thiệp giảm tác hại về HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm;

Đến năm 2020, 20 tỉnh, thành phố xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội cho người bán dâm.

. Về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán:

90% các trường hợp đã tiếp nhận được tiến hành các thủ tục xác minh, xác định nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

90% nạn nhân có nhu cầu được hỗ trợ chế độ theo quy định của pháp luật;

90% nạn nhân và người thân của họ có nhu cầu được bảo vệ an toàn theo quy định của pháp luật;

Đến năm 2020, 90% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trọng điểm xây dựng được các mô hình hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị mua bán.

- Phạm vi thực hiện: Dự án thực hiện trên phạm vi cả nước, ưu tiên những địa bàn tập trung nhiều đối tượng, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

- Nội dung chủ yếu:

+ Hỗ trợ cai nghiện ma túy:

. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế vận hành kỹ thuật mới đối với các loại hình cơ sở cai nghiện ma túy, điểm tư vấn chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy theo Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy;

. Rà soát, đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các Cơ sở cai nghiện ma túy đã được phê duyệt đầu tư nhưng chưa hoàn thiện; những cơ sở cai nghiện bị xuống cấp; những cơ sở cai nghiện thực hiện chuyển đổi theo Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/12/2014 và các điểm tư vấn chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy theo

Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy; bổ sung cơ sở vật chất để thực hiện điều trị methadone tại các Cơ sở cai nghiện theo Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 02/7/2015 của Chính phủ;

. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cai nghiện ma túy tại các Cơ sở cai nghiện và các điểm tư vấn chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy theo Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy;

. Nghiên cứu đặc điểm tâm sinh lý của từng nhóm người nghiện ma túy ở Việt Nam; nghiên cứu, thí điểm áp dụng các mô hình cai nghiện có hiệu quả trên thế giới (ưu tiên các nước trong khu vực có nhiều nét tương đồng); xây dựng và tổ chức thực hiện thí điểm các mô hình cai nghiện phục hồi phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội các vùng miền; sơ kết, tổng kết và nhân rộng mô hình cai nghiện, Đội công tác xã hội tình nguyện có hiệu quả;

. Nghiên cứu, xây dựng chương trình học nghề đặc thù cho người nghiện ma túy; tổ chức triển khai thí điểm dạy nghề và đúc rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình;

. Xây dựng các kỹ năng lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, hướng dẫn người nghiện ma túy tìm việc làm; xây dựng các chương trình kết nối giới thiệu việc làm cho người nghiện ma túy, người sau cai nghiện;

. Xây dựng dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác cai nghiện ma túy (xây dựng cơ sở dữ liệu; hệ thống thông tin quản lý; dịch vụ công trực tuyến; đào tạo về tư vấn, điều trị, cai nghiện trực tuyến...);

. Tổ chức tuyên truyền các mô hình xã, phường làm tốt công tác cai nghiện; các điển hình cai nghiện thành công; Đội công tác xã hội tình nguyện, tịnh nguyện viên, các cá nhân, tổ chức xã hội giúp đỡ người nghiện ma túy, người sau cai nghiện hòa nhập cộng đồng.

+ Về phòng, chống mại dâm:

. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm:

Tăng cường công tác phòng ngừa thông qua các hoạt động tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng, tập trung ở các khu vực miền núi, các địa phương nghèo, địa phương có người nhiều người di cư để hạn chế phát sinh mới số người tham gia mại dâm: Xây dựng bộ công cụ truyền thông, tài liệu tập huấn cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên (sách mỏng, tờ rơi, tranh áp phích, sổ tay cho tuyên truyền viên, lịch và các phóng sự, phim...) về phòng, chống mại dâm; hành vi tình dục lành mạnh, an toàn; Thực hiện chiến lược truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng trên phạm vi toàn quốc, ưu tiên triển khai tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trọng điểm; Tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên, tình nguyện viên, cộng tác viên tại địa phương để thực hiện tốt công tác tuyên truyền và hướng

dẫn cộng đồng về phòng ngừa mại dâm; Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền tại cộng đồng thông qua các buổi thảo luận nhóm, tư vấn hỗ trợ cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp; các hoạt động tuyên truyền mang tính tương tác cao tại các khu công nghiệp, trường học...; chú trọng nhóm có nguy cơ cao (học sinh, sinh viên, người lao động chưa có việc làm, nữ thanh, thiếu niên, người lao động nhập cư tại các khu công nghiệp..., đặc biệt là nhóm lao động di cư, tìm việc làm tại nơi khác) nhằm bảo đảm việc di cư lao động an toàn, phù hợp với khả năng, điều kiện của họ;

Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, truyền thông phòng, chống mại dâm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng và thực hiện các chiến lược truyền thông về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác phòng, chống mại dâm; giảm kì thị, phân biệt đối xử của cộng đồng đối với người bán dâm; Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, các tiểu phẩm, ký sự, bài viết và tăng thời lượng phát sóng, đưa tin về tình hình tệ nạn mại dâm, công tác phòng, chống mại dâm trên các phương tiện truyền thông, báo chí Trung ương và địa phương;

. Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội tại địa bàn cơ sở:

Tổ chức rà soát, đánh giá về nhóm người có nguy cơ cao (thanh niên chưa có nghề nghiệp, chưa có việc làm....) và các chương trình an sinh xã hội, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để hướng mục tiêu của các chương trình đến các nhóm đối tượng này;

Xây dựng các hoạt động lồng ghép cho nhóm phụ nữ có nhu cầu tìm kiếm việc làm trong các chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn, chương trình việc làm, hỗ trợ vay vốn, chương trình giảm nghèo...nhằm cung cấp cho họ các cơ hội lựa chọn công việc phù hợp;

Xây dựng các kế hoạch lồng ghép việc thực hiện các chương trình an sinh xã hội tại địa phương với nhiệm vụ phòng, chống mại dâm.

. Xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại về HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm.

Triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại về HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới: Đánh giá, tài liệu hoá một số mô hình thí điểm có hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ giảm hại, chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại một số địa phương để xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai thực hiện; Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao năng lực về hỗ trợ giảm hại, hòa nhập cộng đồng cho cơ quan chuyên trách phòng, chống tệ nạn xã hội cấp tỉnh và cán bộ trực tiếp tham gia làm công tác phòng, chống mại dâm và cán bộ trực tiếp tham gia công tác cung cấp, hỗ trợ dịch vụ cho người bán dâm; Đào tạo, nâng cao năng lực cho Đội công tác xã hội tình

nguyện cấp xã trong việc tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ người mại dâm tại cộng đồng. Xây dựng, thử nghiệm quy trình hỗ trợ và gói dịch vụ hỗ trợ xã hội đối với người bán dâm tại cộng đồng. Xây dựng cơ chế huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, các tổ chức phi Chính phủ, tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs), các câu lạc bộ, nhóm tự lực, nhóm đồng đẳng tham gia các hoạt động phòng ngừa, giảm hại, giảm phân biệt đối xử, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm;

. Xây dựng thử nghiệm 03 mô hình: (1) Mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng, Trung tâm công tác xã hội; (2) Mô hình hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của người lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm; (3) Mô hình hỗ trợ tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng/nhóm tự lực/câu lạc bộ của người bán dâm trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

+ Về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán:

. Nghiên cứu hình thành mạng lưới hỗ trợ nạn nhân; Xây dựng, chuẩn hóa hệ thống dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tại cộng đồng;

. Thực hiện quy trình chuẩn về hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tại cộng đồng theo quy định pháp luật, đảm bảo theo hướng bình đẳng giới, chú ý nhu cầu và đặc điểm của các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là trẻ em;

. Tổ chức tập huấn, đào tạo, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm,... nhằm nâng cao năng lực cho các cán bộ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan ban ngành liên quan để thực hiện tốt quy trình hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng;

. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, nguồn lực phục vụ công tác hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ;

. Đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình hỗ trợ nạn nhân thành công tại cộng đồng; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào công tác hỗ trợ nạn nhân;

. Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân: Điều tra khảo sát, rà soát, thống kê nạn nhân bị mua bán trở về. Đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án và xây dựng các hoạt động cho giai đoạn tiếp theo.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện Dự án là 3.382,5 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 3.860 tỷ đồng), trong đó: vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương là 122,5 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn

nhưng không vượt quá 600 tỷ đồng); vốn sự nghiệp từ ngân sách trung ương 530 tỷ đồng; Ngân sách địa phương 2.500 tỷ đồng (vốn đầu tư 1.650 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 850 tỷ đồng); Các nguồn huy động khác 230 tỷ đồng.

7. Phương án huy động vốn:

Cơ quan thực hiện Chương trình mục tiêu, Dự án thành phần ở Trung ương, địa phương có trách nhiệm huy động các nguồn lực hợp pháp để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, kết quả nhiệm vụ của Dự án, bao gồm:

a) Ngân sách hỗ trợ từ Trung ương: gồm vốn đầu tư, vốn sự nghiệp, vốn ODA và viện trợ.

b) Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương: Hội đồng nhân dân các cấp địa phương bố trí ngân sách địa phương để thực hiện chi tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, dự án. Địa phương có trách nhiệm và cam kết bố trí kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình, Dự án.

c) Thực hiện lồng ghép giữa các chương trình, dự án có cùng mục tiêu, nội dung, hoạt động.

d) Nguồn lực huy động hợp pháp từ các tổ chức tài trợ, tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội, doanh nghiệp, nhà hảo tâm và cá nhân ở trong và ngoài nước.

8. Các giải pháp để thực hiện Chương trình

a) Giải pháp về nhân lực, quản lý

- Nhân sự thực hiện Chương trình, Dự án là cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội ở trung ương, địa phương, các cơ sở trợ giúp xã hội, Trung tâm Giáo dục - Chữa bệnh Lao động và Xã hội;

- Cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, các Bộ, ngành, địa phương có bộ phận chuyên trách quản lý Dự án với mục tiêu nhằm hoàn thành các hoạt động, công việc của Dự án theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong phạm vi ngân sách được duyệt.

b) Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật các lĩnh vực bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội;

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành đồng bộ các chính sách về huy động nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án, Chương trình, trong đó ưu tiên cho các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách;

- Có chế tài đủ mạnh đối với các địa phương, đơn vị vi phạm trong an toàn lao động;

- Nâng cao năng lực quản lý của cơ quan quản lý nhà nước các cấp về bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội;

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển hệ thống trợ giúp xã hội;

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện; phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị trực tiếp thụ hưởng lợi ích của dự án, hoạt động.

c) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự chỉ đạo của chính quyền các cấp và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật về lĩnh vực bảo trợ xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội.

d) Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá

Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá Chương trình, Dự án đảm bảo các tiêu chí sau:

- Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình, Dự án về kết quả thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch (đầu vào, hoạt động, đầu ra) và đánh giá kết quả, tác động;

- Xây dựng chỉ số theo dõi, giám sát kết quả hoạt động và chỉ số đánh giá kết quả, tác động của Chương trình, Dự án, bảo đảm thông tin được tổng hợp từ cấp quản lý và cơ quan thực hiện dự án;

- Phổ biến hệ thống theo dõi, giám sát kết quả thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch (đầu vào, hoạt động, đầu ra) và hướng dẫn cách đánh giá kết quả, tác động cho các cơ quan quản lý và các cơ quan thực hiện dự án;

- Tổng hợp báo cáo, phổ biến thông tin kết quả thực hiện dự án cho các cơ quan liên quan ở cấp Trung ương và địa phương;

- Phân định rõ trách nhiệm, chế độ cung cấp thông tin, báo cáo của các cơ quan thực hiện Dự án thuộc Chương trình mục tiêu đối với nhiệm vụ được phân công.

Trên cơ sở sử dụng thông tin của phần theo dõi, giám sát để phân tích toàn diện, có hệ thống và tính khách quan phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và mức độ bền vững của Dự án để tổ chức tiến hành đánh giá giữa kỳ, kết thúc hoặc đột xuất (khi cần thiết) của Dự án. Trên cơ sở đó điều chỉnh khi cần thiết và rút ra những bài học kinh nghiệm áp dụng cho giai đoạn thực hiện tiếp theo.

đ) Giải pháp về hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, bao gồm các tổ chức đa phương, song phương và các tổ chức phi Chính phủ trên cả 3 lĩnh vực kỹ thuật, kinh nghiệm và tài chính để phát triển các lĩnh vực bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

9. Tổ chức thực hiện Chương trình

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình;

- Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực hiện các mục tiêu của năm trước, mục tiêu đặt ra của từng dự án giai đoạn 2016-2020 và số thông báo của Bộ Tài chính dự kiến giao kinh phí ngân sách trung ương bố trí thực hiện Chương trình (vốn sự nghiệp); dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ nguồn ngân sách trung ương chi tiết theo từng Dự án và chi tiết cho các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương, kèm theo thuyết minh nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp;

- Tổng hợp, xây dựng kế hoạch trung hạn và hàng năm đối với các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình; Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình;

- Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các chính sách, bảo đảm cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra của Chương trình;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính trong việc phân bổ nguồn lực, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các Dự án thuộc Chương trình.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và chủ Chương trình cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Chủ chương trình thẩm định nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc Chương trình;

- Phối hợp với Chủ chương trình kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình.

c) Bộ Tài chính:

- Đề xuất mức bố trí ngân sách trung ương nguồn kinh phí sự nghiệp theo kế hoạch trung hạn và hàng năm thực hiện chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và thông báo số dự kiến hàng năm cho chủ chương trình; thẩm định phương án phân bổ vốn sự nghiệp của chủ chương trình và tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và giao dự toán theo quy định;

- Chủ trì hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình;

- Phối hợp với Chủ chương trình kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình.

d) Các Bộ, ngành khác và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình ở Bộ, ngành, địa phương;

- Rà soát, đề xuất xây dựng và triển khai các dự án để thực hiện Chương trình;

- Xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trung hạn và hàng năm của Bộ, ngành và địa phương; gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan;

- Quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc chương trình do địa phương quản lý; định kỳ báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tiến độ thực hiện Chương trình tại địa phương; tổ chức sơ kết và tổng kết Chương trình ở địa phương theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan thẩm định, phê duyệt và bố trí vốn đối với các công trình, dự án, hoạt động của chương trình thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, TH;
- Lưu: VT, KGVX (03).201

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc